

**TỔNG CTY BĐATHH MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**



**QUY CHẾ TRẢ LƯƠNG
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Vinh, tháng 01 năm 2018

Số: 47/QĐ-CTHTTHKV VI

Vinh, ngày 29 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế trả lương cho người lao động
tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI**

CHỦ TỊCH

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-BGTVT ngày 02/6/2008 về việc thành lập Công ty Hoa tiêu khu vực VI; Quyết định số 1780/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 về việc chuyển Công ty Hoa tiêu khu vực VI thành Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI; và Quyết định số 2400/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2011 về việc chuyển doanh nghiệp về làm đơn vị thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VI được phê duyệt kèm theo Quyết định số 425/QĐ-TCTBÐATHHMB ngày 19/7/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-CTHTTHKV VI ngày 10/7/2017 về việc ban hành Hệ thống bảng lương, phụ cấp lương tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-CTHTTHKV VI ngày 10/7/2017 về việc phê duyệt phương án chuyển xếp lương và phụ cấp lương cho người lao động tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI;

Căn cứ văn bản số 404/TCTBÐATHHMB-TCCB.LÐ ngày 08/3/2017 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc về việc chấp thuận Quy chế trả lương cho người lao động của Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VI;

Sau khi xin ý kiến của Ban Chấp hành Công đoàn và người lao động Công ty;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Hội đồng phân phối thu nhập của Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy chế trả lương cho người lao động**” tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, bãi bỏ các quy định trước đây trái với quyết định này.

Điều 3. Giám đốc, Trưởng các phòng, Trưởng Văn phòng đại diện tại Thanh Hóa, Trưởng Trạm hoa tiêu Vũng Áng và các cá nhân có liên quan thuộc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TCT BĐATHH MB (đề b/cáo);
- Sở LĐTB-XH N.An (đề b/cáo);
- Trang Tpublic;
- BCH Công đoàn;
- Lưu: VT, TCHC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Nguyễn Đức Bẩy

**TỔNG CTY BĐATHH MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ TRẢ LƯƠNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
TẠI CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-CTHTTHHKV VI ngày 29/01/2018
của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này dùng để thực hiện việc phân phối tiền lương hàng tháng, phân phối tiền lương bổ sung cho người lao động tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI (gọi tắt là Công ty).

Đối tượng áp dụng quy chế này là người lao động của Công ty, người quản lý công ty có trực tiếp tham gia dẫn tàu trong những trường hợp thật sự cần thiết (gọi chung là người lao động).

Điều 2. Nguyên tắc và cơ sở để trả lương

1. Công ty xây dựng quy chế trả lương theo vị trí, chức danh công việc, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch, gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, năng suất lao động cao và đóng góp nhiều cho Công ty.

2. Cơ sở để trả lương cho người lao động:

a) Hệ số lương được xếp theo Quyết định số 272/QĐ-CTHTTHHKV VI ngày 10/7/2017 về việc ban hành Hệ thống bảng lương, phụ cấp lương tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI; Quyết định số 273/QĐ-CTHTTHHKV VI ngày 10/7/2017 về việc phê duyệt phương án chuyển xếp lương, phụ cấp lương cho người lao động tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI (gọi là hệ số lương cấp bậc Hcb).

b) Hệ số tiền lương ứng với mức độ phức tạp, tính trách nhiệm đòi hỏi và mức độ hoàn thành của công việc được giao (gọi là hệ số lương sản phẩm Hcv). Hệ số lương sản phẩm quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Quy chế này. Hệ số lương sản phẩm có tham khảo mặt bằng tiền lương các vị trí chức danh trong các Công ty hoa tiêu của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc (gọi tắt là Tổng công ty).

c) Ngày công làm việc.

d) Tiền lương phụ cấp chức vụ và trách nhiệm.

đ) Tiền lương phụ cấp đối với người lao động là tập sự hoa tiêu, hoa tiêu chuyên vùng được quy định trong hợp đồng lao động.

e) Tiền lương hoặc tiền công khoán gọn của người lao động được ghi trong hợp đồng lao động.

g) Tiền lương kiêm nhiệm của người lao động theo Quyết định kiêm nhiệm của Giám đốc công ty với những người được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ của người khác (do vị trí phải kiêm nhiệm nghỉ có lý do trên 1 tháng).

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng quỹ tiền lương

1. Tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Tiền lương và thu nhập hàng tháng có tính chất lương của người lao động phải được ghi vào “Sổ lương” theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh, Công ty quyết định mức tạm ứng tiền lương, nhưng không quá 85% quỹ tiền lương kế hoạch để chi trả hàng tháng cho người lao động. Trong trường hợp sản lượng tăng hoặc giảm đột biến Giám đốc công ty báo cáo Chủ tịch công ty để thực hiện phù hợp với thực tế.

3. Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, Công ty trích lập quỹ dự phòng tiền lương cho năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn. Mức dự phòng hàng năm do Giám đốc quyết định sau khi có ý kiến của Ban Chấp hành công đoàn công ty, nhưng không được vượt quá 17% quỹ tiền lương thực hiện theo quy định.

Điều 4. Giải thích một số từ ngữ về quỹ tiền lương.

1. Quỹ tiền lương kế hoạch:

a) Căn cứ mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh, Công ty xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch (tính theo tháng) để tính quỹ tiền lương kế hoạch gắn với năng suất lao động và lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề trình Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc và các cấp có thẩm quyền phê duyệt, gọi là quỹ lương kế hoạch.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch được xác định theo Mục 3, Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Quỹ tiền lương thực hiện:

a) Quỹ tiền lương thực hiện là tổng tiền lương thực hiện của cả năm được hạch toán trong giá thành và được Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc phê duyệt.

b) Quỹ tiền lương thực hiện được xác định theo Điều 14, Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Quỹ tiền lương phân phối hàng tháng là tiền lương tạm thời chi trả cho người lao động hàng tháng.

4. Quỹ tiền lương bổ sung là tiền lương chưa phân phối hết của người lao động còn để lại trong năm.

Chương II **CÁCH PHÂN PHỐI TIỀN LƯƠNG HÀNG THÁNG**

Điều 5. Cách phân phối tiền lương hàng tháng

$$V_{pp} = V1 + V2 + V3$$

1. V1: quỹ lương cấp bậc là quỹ tiền lương trả cho người lao động theo chế độ được căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định, hệ số lương cấp bậc theo Quyết định số 272/QĐ-CTH THHKV VI ngày 10/7/2017 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành hệ thống bảng lương, phụ cấp lương và ngày công lao động thực tế.

2. V2: quỹ lương khác là quỹ tiền lương để trả cho người lao động trong các trường hợp sau:

- a) V2a: Tiền lương làm việc vào ngày Lễ, Tết.
- b) V2b: Tiền lương phụ cấp chức vụ và trách nhiệm.
- c) V2c: Tiền lương phụ cấp đối với người lao động là tập sự hoa tiêu, hoa tiêu chuyển vùng được quy định trong hợp đồng lao động, bao gồm lương cấp bậc công thêm phụ cấp bằng 0,3 mức lương tối thiểu vùng do nhà nước.
- d) V2d: Tiền lương phép, lương đi học, tham quan nghỉ mát, nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật.
- đ) V2đ: Tiền lương trả cho người lao động hết bậc.
- e) V2e : Tiền lương hoặc tiền công khoán gọn của người lao động được ghi trong hợp đồng lao động.
- g) V2g : Tiền lương kiêm nhiệm của người lao động theo Quyết định kiêm nhiệm của Giám đốc công ty với những người được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ của người khác (do vị trí phải kiêm nhiệm nghỉ có lý do trên 1 tháng).
- h) V2h: Tiền lương người quản lý công ty tham gia dẫn tàu trong những trường hợp thật sự cần thiết (nếu có).

3. V3: Quỹ lương sản phẩm là quỹ tiền lương còn lại sau khi lấy quỹ tiền lương phân phối hàng tháng trừ đi quỹ lương cấp bậc và quỹ lương khác.

Điều 6. Cách chấm công

Người lao động đi làm việc mới được chấm công thực tế (ni), kể cả ngày Lễ, Tết được nghỉ hưởng nguyên lương nhưng có đi làm việc mới được chấm công thực tế, thời gian được coi là làm việc quy định cụ thể như sau:

1. Lao động là hoa tiêu:

- a) Thời gian đi dẫn tàu;
- b) Thời gian đổi ca;
- c) Thời gian trực dẫn tàu tại Văn phòng đại diện tại Thanh Hóa, tại Trạm hoa tiêu Vũng Áng, tại Cửa Việt và trên tàu VLCC (nếu có);
- d) Thời gian đi học theo quyết định của Công ty.

2. Lao động là lái xe:

- a) Thời gian đưa đón lãnh đạo công ty đi công tác;
- b) Thời gian đưa đón hoa tiêu đi dẫn tàu, đổi ca theo kế hoạch dẫn tàu hàng ngày;
- c) Thời gian đưa đón các đoàn đến công tác tại Công ty; đoàn công tác của Công ty;
- d) Thời gian đưa đón thủ quỹ đến giao dịch rút tiền mặt từ ngân hàng về nộp quỹ hoặc nộp tiền vào ngân hàng;

đ) Thời gian phục vụ công tác hiếu, hỉ của Công ty;

e) Thời gian thực hiện tìm kiếm cứu nạn khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

g) Thời gian thực hiện nhiệm vụ hành chính khác khi được Giám đốc chấp thuận;

h) Thời gian theo dõi, giám sát sửa chữa lớn.

3. Lao động là thuyền viên:

a) Thời gian đưa đón hoa tiêu;

b) Thời gian trực tàu tại bến;

c) Thời gian đưa tàu đi tránh bão;

d) Thời gian sửa chữa lên đà, sửa chữa khác.

4. Lao động là bảo vệ:

Thời gian trực bảo vệ tại trụ sở Công ty, Văn phòng đại diện tại Thanh Hóa và Trạm hoa tiêu Vũng Áng.

5. Lao động còn lại:

Thời gian làm việc tại Trụ sở Công ty, Văn phòng đại diện tại Thanh Hóa, Trạm Hoa tiêu Vũng Áng và thời gian được cử đi công tác.

6. Những người cần đi làm thêm vào thứ bảy, chủ nhật, ngày Lễ, Tết phải báo cáo và được Giám đốc đồng ý trước khi đi làm, trừ lao động là hoa tiêu, trực ban hoa tiêu, phương tiện thủy, bộ và bảo vệ.

Điều 7. Cách tính công những tháng không có ngày Lễ, Tết

1. Khi tính lương cấp bậc V1:

Căn cứ vào bảng chấm công làm việc thực tế (ni) của người lao động, việc tính công để làm cơ sở tính lương cấp bậc V1 như sau:

a) Lao động là hoa tiêu: Số ngày công để tính lương cấp bậc là số ngày công làm việc thực tế (ni).

b) Lao động là lái xe: Số ngày công để tính lương cấp bậc là số ngày công làm việc thực tế (ni).

c) Lao động là thuyền viên: Số ngày công để tính lương cấp bậc là số ngày công làm việc thực tế (ni) và quy ước như sau:

- Tối thiểu bằng N (N là số ngày công lao động quy ước hàng tháng, bằng số ngày trong tháng trừ đi các ngày nghỉ thứ bảy và chủ nhật của tháng đó).

- Trường hợp $ni = 31$ thì thuyền trưởng và máy trưởng là 27 công; thuyền viên còn lại là 26 công.

- Trường hợp $ni < 31$ thì thuyền trưởng và máy trưởng là: $27 - (31 - ni)$ công; thuyền viên còn lại là: $26 - (31 - ni)$ công.

d) Lao động là bảo vệ:

- Số ngày công để tính lương cấp bậc là số ngày công làm việc thực tế (ni).

- Thời gian trực bảo vệ, 08 tiếng 01 công.

đ) Lao động còn lại: Số ngày công để tính lương cấp bậc là số ngày công làm việc thực tế (ni).

2. Khi tính lương sản phẩm:

Căn cứ vào bảng chấm công làm việc thực tế của từng loại người lao động, việc tính công để làm cơ sở tính lương sản phẩm như sau:

a) Lao động là hoa tiêu:

Số ngày công để tính lương sản phẩm là số ngày công quy ước như sau:

- Mỗi lượt dẫn tàu, shifting tàu tính 01 công.

- Mỗi ngày trực tại Văn phòng đại diện Công ty tại Thanh Hóa, Trạm hoa tiêu Vũng Áng, Cửa Việt; mỗi lần đổi ca mà ngày hôm đó không dẫn tàu tính 01 công (trường hợp nếu có dẫn tàu trong ngày đổi ca thì dẫn bao nhiêu tàu tính bấy nhiêu công, không tính thêm công trực chờ và công đổi ca).

- Mỗi ngày trực chờ trên tàu VLCC tính 03 công, ngày dẫn tàu VLCC không tính thêm công trực chờ trên tàu VLCC.

- Mỗi giờ chờ đợi của hoa tiêu tính 0,1 công. Cách tính thời gian chờ đợi theo quy định hiện hành.

- Trường hợp hoa tiêu chờ quá 04 giờ tại địa điểm đón tàu, việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và tàu đã trả 80% số tiền thu giá hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu, được tính 01 công.

- Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải, đã thu bằng số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu theo quy định, được tính 01 công.

b) Lao động là lái xe: Số ngày công để tính lương sản phẩm là số ngày công làm việc thực tế (ni).

c) Các lao động còn lại: Số ngày công để tính lương sản phẩm là số ngày công làm việc thực tế (ni) nhưng tối đa bằng N.

Điều 8. Cách tính công những tháng có ngày Lễ, Tết

1. Khi tính lương cấp bậc V1:

Tương tự như khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

Ngoài ra:

a) Người lao động được nghỉ vào ngày Lễ, Tết vẫn được hưởng 100% lương cấp bậc cho những ngày Lễ, Tết.

b) Người lao động đi làm vào ngày Lễ, Tết được hưởng 100% lương cấp bậc cho những ngày Lễ, Tết và còn hưởng thêm 200% lương cấp bậc cho những ngày đi làm thực tế vào dịp Lễ, Tết (V2a).

2. Khi tính lương sản phẩm:

a) Lao động là hoa tiêu: Tương tự như điểm a khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

b) Lao động là lái xe: Tương tự như điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

c) Các lao động còn lại: Số ngày công để tính lương sản phẩm là số ngày công làm việc thực tế (ni) và tính như sau:

- Nếu số ngày công làm việc thực tế $ni < N$ thì số ngày công để tính lương sản phẩm bằng ni

- Nếu số ngày công làm việc thực tế $ni \geq N$ thì số ngày công để tính lương sản phẩm bằng N.

3. Ví dụ minh họa:

Tháng 1 năm X có 10 ngày thứ bảy, chủ nhật và có 4 ngày Lễ, Tết. Ông A đi làm 15 ngày không có ngày nào trùng và Lễ, Tết. Ông B đi làm 18 ngày có 2 ngày trùng Lễ, Tết. Ông C đi làm 22 ngày không có ngày nào trùng và Lễ, Tết. Ông A, ông B và ông C

không phải là hoa tiêu và lái xe. Cách chấm công và cách tính công để hưởng lương cấp bậc và lương sản phẩm như sau:

a) Cách chấm công:

- Ông A: được chấm 15 ngày công làm việc thực tế.

- Ông B: được chấm 18 ngày công làm việc thực tế.

- Ông C: được chấm 22 ngày công làm việc thực tế.

b) Khi tính lương cấp bậc:

- Ông A: số ngày công để tính lương cấp bậc là 15 công.

- Ông B: số ngày công để tính lương cấp bậc là 18 công. Ngoài ra ông B còn được tính thêm 02 ngày làm việc vào Lễ, Tết với mức lương 200% lương cấp bậc.

- Ông C: số ngày công để tính lương cấp bậc là 22 công.

c) Khi tính lương sản phẩm:

- Ông A: số ngày công để tính lương sản phẩm là 15 công.

- Ông B: số ngày công để tính lương sản phẩm là 18 công.

- Ông C: số ngày công để tính lương sản phẩm là 21 công, vì $N = 21$.

Điều 9. Cách tính quỹ lương cấp bậc V1

1. Tiền lương cấp bậc của người lao động thứ i:

$$T1i = \frac{Hcbi \times TLminvùng \times ni}{N}$$

2. Quỹ tiền lương cấp bậc:

$$V1 = \sum_{i=1}^{m+n+p} T1i$$

Trong đó:

$T1i$: là lương cấp bậc của người lao động thứ i.

$Hcbi$: là hệ số lương cấp bậc của người lao động thứ i, theo Quyết định số 272/QĐ-CTHTHKV VI ngày 10/7/2017 về việc ban hành Hệ thống bảng lương, phụ cấp lương tại Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI. Riêng đối với hoa tiêu, $Hcbi$ theo chức danh đảm nhận của hoa tiêu.

TLmin vùng: là mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

n_i : là số ngày công lao động thực tế của người lao động thứ i , được chấm và tính công theo Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy chế này.

N : là số ngày công lao động quy ước hàng tháng, bằng số ngày trong tháng trừ đi các ngày nghỉ thứ bảy và chủ nhật của tháng đó.

m : là số lao động của khối hoa tiêu.

n : là số lao động của khối hành chính, phương tiện.

p : số người quản lý công ty tham gia dẫn tàu (nếu có).

Điều 10. Cách tính quỹ lương khác V2

1. Tiền lương làm việc vào ngày Lễ, Tết (V2a):

$$T2ilt = \frac{200\% \times Hc_{bi} \times TL_{\min} \text{ vùng} \times nilt}{N}$$

$$V2a = \sum_{i=1}^{m+n+p} T2ilt$$

Trong đó:

$T2ilt$: tiền lương làm việc vào ngày Lễ, Tết của người lao động thứ i .

$nilt$: là số ngày công lao động thực tế đi làm vào các ngày Lễ, Tết của người lao động thứ i .

2. Tiền lương phụ cấp chức vụ và trách nhiệm (V2b):

$$T2icv/tn = Hcv/tn \times TL_{\min} \text{ vùng}$$

$$V2b = \sum_{i=1}^{m+n+p} T2icv/tn$$

Trong đó:

$T2icv/tn$: tiền lương chức vụ và trách nhiệm của người lao động thứ i .

Hcv/tn : là hệ số phụ cấp chức vụ và trách nhiệm của người lao động thứ i , được quy định như sau:

- $Hcv/tn = 0,21$ với Trưởng phòng và tương đương.

- $Hcv/tn = 0,14$ với Phó trưởng phòng và tương đương.

- Hcv/tn = 0,03 với Tô trưởng; Thủ quỹ; Văn thư.

3. Tiền lương phụ cấp đối với người lao động là tập sự hoa tiêu, hoa tiêu chuyên vùng (V2c): Theo hợp đồng đồng lao động, bao gồm lương cấp bậc công thêm phụ cấp bằng 0,3 mức lương tối thiểu vùng do nhà nước.

4. Tiền lương phép, lương đi học, tham quan nghỉ mát, nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật (V2d): Bằng lương cấp bậc tương ứng với số ngày phép, đi học, tham quan nghỉ mát, nghỉ việc riêng được hưởng hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật.

5. Tiền lương trả cho người lao động hết bậc (V2đ): 5 năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu mỗi năm được tính tăng thêm 1% lương cấp bậc, bắt đầu tính từ trước khi nghỉ hưu 5 năm.

6. Tiền lương hoặc tiền công khoán gọn của người lao động (V2e): Theo hợp đồng đồng lao động.

7. Tiền lương kiêm nhiệm (V2g): Theo Quyết định kiêm nhiệm của Giám đốc công ty

8. Tiền lương người quản lý công ty tham gia dẫn tàu trong những trường hợp thật sự cần thiết nếu có (V2h):

a) Phần lương cấp bậc: tính như Điều 9 Quy chế này.

b) Phần lương khác: tính như khoản 1 và khoản 2 Điều này.

c) Phần lương sản phẩm:

$$V_{spvcdt} = V_p \times \frac{\sum_{i=1}^p n_{dvtci} \times H_{cvvci}}{\sum_{i=1}^p n_{dvtci} \times H_{cvvci} + \sum_{i=1}^m n_{dti} \times H_{cvhti} + \sum_{i=1}^n n_{ski} \times H_{cvi}}$$

$$V = V_{pp} - V_1 - V_2(a,b,c,d,đ,e,g)$$

Trong đó:

V_{spvcdt} : Tiền lương sản phẩm của người quản lý công ty tham gia dẫn tàu.

n_{dvtci} : là số lượt tàu của người quản lý công ty thứ i.

H_{cvvci} : là hệ số lương sản phẩm của chức danh hoa tiêu mà người quản lý công ty đảm nhận.

p : số người quản lý công ty tham gia dẫn tàu (nếu có).

- ndti : là số lượt tàu dẫn của hoa tiêu thứ i.
- Hcvhti : là hệ số lương sản phẩm của chức danh hoa tiêu mà hoa tiêu thứ i đảm nhận.
- m : là số hoa tiêu dẫn tàu.
- nski : là số ngày công của người lao động thứ i được đưa vào để tính tỷ lệ khối, được xác định tại Điều 11 Quy chế trả này.
- Hcvi : là hệ số lương sản phẩm của người lao động thứ i trong khối hành chính, phương tiện.
- n : là số lao động của khối hành chính, phương tiện.

Điều 11. Cách xác định tỷ lệ khối

Cách tính hệ số Sk cho khối hành chính, phương tiện:

$$Sk = \frac{\sum_{i=1}^n nski \times Hcvi}{\sum_{i=1}^{m+n} nski \times Hcvi}$$

Trong đó:

- Hcvi : là hệ số lương sản phẩm của người lao động thứ i.
- m : là số lao động của khối hoa tiêu.
- n : là số lao động của khối hành chính, phương tiện.
- nski : là số ngày công được đưa vào để tính Sk của người lao động thứ i, được xác định như sau:

- Nếu ngày công đi làm thực tế ni của người lao động lớn hơn N thì nski lấy bằng N.
- Nếu ngày công đi làm thực tế ni nhỏ hơn N thì nski lấy bằng ni.

Điều 12. Cách chia quỹ lương sản phẩm V3

1. Khối hành chính, phương tiện

a) Quỹ lương sản phẩm của khối hành chính, phương tiện

$$V3hc = V3 \times Sk.$$

b) Tiền lương sản phẩm của người lao động thứ i trong khối hành chính, phương tiện:

$$T_{3hci} = V_{3hc} \times k_1 \frac{\sum_{i=1}^n n_i \times H_{cvi}}{\sum_{i=1}^n n_i \times H_{cvi}}$$

Trong đó:

n_i : là số ngày công lao động hưởng lương sản phẩm của lao động thứ i ($n_i \leq N$). Trừ lao động là lái xe lấy bằng n_i thực tế.

H_{cvi} : là hệ số lương sản phẩm của người lao động thứ i trong khối hành chính, phương tiện:

k_1 : là hệ số thành tích của người lao động thứ i.

Hệ số thành tích cá nhân (k_1):

Là hệ số đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong tháng của người lao động, được quy định như sau:

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ được giao, chấp hành nghiêm sự phân công lao động của người phụ trách và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế Công ty: $k_1 = 1,0$.

- Chấp hành chưa nghiêm chỉnh nhiệm vụ được giao và nội quy, quy chế của Công ty nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật: $k_1 = 0,9$.

- Do lỗi chủ quan gây tai nạn lao động, tai nạn giao thông nhưng chưa đến mức nghiêm trọng hoặc có sai sót trong công việc nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật lao động: $k_1 = 0,8$.

- Bị xử lý kỷ luật lao động, hình thức từ mức khiển trách bằng miệng trở lên: $k_1 = 0,7$.

2. Khối hoa tiêu

a) Quỹ lương sản phẩm của khối hoa tiêu

$$V_{3ht} = V_3 - V_{3hc}$$

b) Tiền lương sản phẩm của hoa tiêu thứ i:

$$T_{3hti} = V_{3ht} \times k_1 \frac{\sum_{i=1}^m n_{hti} \times H_{cvi}}{\sum_{i=1}^m n_{hti} \times H_{cvi}}$$

Trong đó:

k_1 : là hệ số thành tích của hoa tiêu thứ i .

H_{cvi} : là hệ số lương sản phẩm của hoa tiêu thứ i .

n_{hti} : là số ngày công lao động của hoa tiêu để tính lương sản phẩm, quy ước như sau:

- Mỗi lượt dẫn tàu, shifting tàu tính 01 công.

- Mỗi ngày trực tại Văn phòng đại diện Công ty tại Thanh Hóa, Trạm hoa tiêu Vũng Áng, Cửa Việt; mỗi lần đổi ca mà ngày hôm đó không dẫn tàu tính 01 công (trường hợp nếu có dẫn tàu trong ngày đổi ca thì dẫn bao nhiêu tàu tính bấy nhiêu công, không tính thêm công trực chờ và công đổi ca).

- Mỗi ngày trực chờ trên tàu VLCC tính 03 công, ngày dẫn tàu VLCC không tính thêm công trực chờ trên tàu VLCC.

- Mỗi giờ chờ đợi của hoa tiêu tính 0,1 công. Cách tính thời gian chờ đợi theo quy định hiện hành.

- Trường hợp hoa tiêu chờ quá 04 giờ tại địa điểm đón tàu, việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và tàu đã trả 80% số tiền thu giá hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu, được tính 01 công.

- Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải, đã thu bằng số tiền thu thấp nhất cho 1 tàu/1 lượt dẫn tàu theo quy định, được tính 01 công.

Điều 13. Tổng tiền lương của người lao động hàng tháng

$$T_i = T_{1i} + T_{2i} + T_{3i}$$

Trong đó:

T_i : là tổng tiền lương của người lao động hàng tháng.

T_{1i} : là tiền lương cấp bậc của người lao động hàng tháng.

T_{2i} : là tiền lương khác của người lao động hàng tháng.

T_{3i} : là tiền lương sản phẩm của người lao động hàng tháng.

Chương III CÁCH CHIA QUỸ LƯƠNG BỔ SUNG

Điều 14. Cách chia quỹ lương bổ sung

$$T_{i,j} = V_{bs} \times \frac{\sum_{j=1}^{m+n+p} T_i}{\sum_{i=1}^{j-1} (\sum_{j=1} T_i)}$$

Trong đó:

V_{bs} : là quỹ tiền lương bổ sung.

T_i : là tiền lương tháng j của người lao động i , của người quản lý công ty thứ i .

m : là số lao động của khối hoa tiêu.

n : là số lao động của khối hành chính, phương tiện.

p : số người quản lý công ty tham gia dẫn tàu nếu có.

Các đối tượng lao động được trả lương hoặc tiền công khoán gọn theo hợp đồng lao động đã ký với Công ty không phân phối thêm tiền lương bổ sung.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Quy chế này được phổ biến đến tập thể người lao động trong Công ty.

Ban chấp hành công đoàn Công ty, Hội đồng phân phối thu nhập; phòng Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế này nhằm đảm bảo công khai, dân chủ và minh bạch.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phát sinh đề nghị phản ánh về Hội đồng phân phối thu nhập; phòng Tổ chức - Hành chính báo cáo Giám đốc xem xét giải quyết./.

Phụ lục 1
BẢNG HỆ SỐ SẢN PHẨM Hcv CỦA CÁC CHỨC DANH

TT	Chức danh	Hcv (cũ)	Hcv (mới)	Hệ số giãn cách
	Hoa tiêu			
1	Ngoại hạng	10.26	10.26	
2	Hạng nhất bậc 2	9.24	8.75	
3	Hạng nhất bậc 1	8.50	8.50	
4	Hạng nhì bậc 2	7.80	7.25	
5	Hạng nhì bậc 1	6.92	6.92	
6	Hạng ba bậc 2	6.20	5.75	
7	Hạng ba bậc 1	5.50	5.50	
	Lãnh đạo phòng, VPĐD và trạm			
8	Trưởng phòng và tương đương	3.85	4.40	80% Hoa tiêu hạng ba
9	Phó trưởng phòng TCKT	2.73	3.08	70% Trưởng phòng
10	Phó trưởng phòng TCHC, VPĐD và trạm	2.73	2.77	90% Phó trưởng phòng TCKT
	Nhân viên các phòng, VPĐD và trạm			
11	Tổ chức - Hành chính bậc 1	1.70	1.70	
12	Tổ chức - Hành chính bậc 2	1.90	1.90	
13	Tổ chức - Hành chính bậc 3	2.10	2.10	
14	Văn thư, thủ quỹ và lao động khác bậc 1	1.60	1.70	
15	Văn thư, thủ quỹ và lao động khác bậc 2	1.80	1.90	
16	Văn thư, thủ quỹ và lao động khác bậc 3	2.00	2.10	
17	Tài chính - Kế toán bậc 1	2.00	2.00	
18	Tài chính - Kế toán bậc 2	2.30	2.30	
22	Tài chính - Kế toán bậc 3	2.60	2.60	
23	Trực ban hoa tiêu bậc 1		1.90	Tập sự hoa tiêu trực ban đêm hưởng theo Hcv của trực ban
24	Trực ban hoa tiêu bậc 2		2.20	
25	Trực ban hoa tiêu bậc 3		2.50	
26	Bảo vệ tại trụ sở Công ty	1.20	1.20	
27	Bảo vệ tại VPĐD, Trạm	1.10	1.10	

28	Bảo vệ kiêm tạp vụ	1.10	1.10	
29	Tạp vụ	1.00	1.00	
	Phương tiện thủy, bộ			
30	Lái xe bậc 1		2.50	
31	Lái xe bậc 2		2.80	
32	Lái xe bậc 3	3.20	3.20	
33	Thuyền trưởng	3.50	3.50	
34	Thuyền phó		2.80	
35	Máy trưởng	3.20	3.20	
36	Máy 2		2.56	
37	Thủy thủ bậc 1	1.90	1.90	
38	Thủy thủ bậc 2	2.10	2.10	
39	Thủy thủ bậc 3	2.30	2.30	
40	Thợ máy bậc 1	1.90	1.90	
41	Thợ máy bậc 2	2.10	2.10	
42	Thợ máy bậc 3	2.30	2.30	

QUY ĐỊNH VỀ NÂNG BẬC, XẾP HỆ SỐ Hcv CHO CÁC CHỨC DANH

1. Hoa tiêu

a) Đối với hoa tiêu hạng Ba:

Trong 12 tháng đầu kể từ ngày được giao đảm nhận chức danh hoa tiêu hạng Ba: được ưu tiên bố trí dẫn các tàu tại các cầu cảng có đặc điểm không khó khăn, điều kiện thời tiết thuận lợi, hưởng Hcv hoa tiêu hạng Ba bậc 1.

Từ tháng thứ 13 trở đi: hưởng Hcv hoa tiêu hạng Ba bậc 2.

b) Đối với hoa tiêu hạng Nhì:

Trong 12 tháng đầu kể từ ngày được giao đảm nhận chức danh hoa tiêu hạng Nhì: được ưu tiên bố trí dẫn các loại tàu thuyền có tổng dung tích đến 10.000GT và có chiều dài tối đa đến 130m, hưởng Hcv hoa tiêu hạng Nhì bậc 1.

Từ tháng thứ 13 trở đi: được bố trí dẫn tàu có chiều dài tối đa đến 145m và tổng dung tích dưới 10.000GT, hưởng Hcv hoa tiêu hạng Nhì bậc 2.

c) Đối với hoa tiêu hạng Nhất:

Trong 12 tháng đầu kể từ này được giao đảm nhận chức danh hoa tiêu hạng Nhất: được ưu tiên bố trí dẫn các loại tàu thuyền có tổng dung tích đến 20.000GT và có chiều dài tối đa đến 160m, hưởng Hcv hoa tiêu hạng Nhất bậc 1.

Từ tháng thứ 13 trở đi: được bố trí dẫn tàu có chiều dài tối đa đến 175m và tổng dung tích dưới 20.000GT, hưởng Hcv hoa tiêu hạng Nhất bậc 2.

* Trường hợp đối với hoa tiêu Trần Việt Hùng hạng Nhất: được ưu tiên không bố trí dẫn các tàu trong điều kiện khó khăn, cầu cảng có địa hình phức tạp, hưởng 95% Hcv hoa tiêu hạng Nhất bậc 1, tương đương 8.07.

d) Đối với hoa tiêu Ngoại hạng:

Trong 12 tháng đầu kể từ ngày được giao đảm nhận chức danh hoa tiêu Ngoại hạng, hưởng 95% Hcv hoa tiêu Ngoại hạng, tương đương 9.74, được ưu tiên không bố trí dẫn các tàu thuyền như sau:

- Khu vực Nghi Sơn - Thanh Hóa: được bố trí dẫn các loại tàu thuyền có tổng dung tích đến 50.000GT và chiều dài tối đa đến 200m

- Khu vực Cửa Lò - Nghệ An: được bố trí dẫn các loại tàu thuyền có tổng dung tích đến 50.000GT và chiều dài tối đa đến 200m.

- Khu vực Vũng Áng, Sơn Dương - Hà Tĩnh:

. Đối với Vũng Áng: được bố trí dẫn các loại tàu thuyền có tổng dung tích đến 50.000GT và chiều dài tối đa đến 200m

. Đối với Sơn Dương: được bố trí dẫn các loại tàu thuyền có tổng dung tích đến 60.000GT và chiều dài tối đa đến 240m.

2. Nhân viên các phòng, VPĐD và trạm

a) Bậc 1: từ khi được giao nhiệm vụ chính thức.

b) Bậc 2: sau 2 năm hưởng bậc 1 và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Bậc 3: sau 2 năm hưởng bậc 2 và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Phương tiện thủy, bộ

a) Bậc 1: từ khi được giao nhiệm vụ chính thức.

b) Bậc 2: sau 2 năm hưởng bậc 1 và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Bậc 3: sau 2 năm hưởng bậc 2 và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Người lao động bắt đầu ký hợp đồng lao động

Lương cấp bậc được hưởng theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, 3 tháng đầu hưởng 50% Hcv theo chức danh hiện đảm nhiệm. Sau 3 tháng sẽ được xét để hưởng 100% Hcv chức danh hiện đảm nhiệm.

Tập sự hoa tiêu, hoa tiêu chuyên vùng, lương cấp bậc bằng 80% lương cấp bậc của hoa tiêu hạng ba, **và được hưởng phụ cấp bằng 0,3% mức lương tối thiểu.**

5. Nâng bậc hệ số Hcv

Trong vòng 1 tháng trước thời hạn nâng bậc lương Hcv, người lao động khi đến kỳ nâng bậc hệ số Hcv lập giấy đề nghị có xác nhận của Trường phòng, đơn vị của mình, gửi Trường phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp báo cáo Giám đốc xem xét nâng bậc hệ số Hcv.

Phụ lục 2
BẢNG HỆ SỐ CẤP BẬC Hcb VÀ SẢN PHẨM Hcv
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cũ		Lương mới	
			Hcb	Hcv	Hcb	Hcv
I	Phòng Hoa tiêu hàng hải					
	Hoa tiêu					
1	Đông Ngọc Thanh	Hoa tiêu Ngoại hạng	4.68	10.26	2.76	10.26
2	Trần Sỹ Thanh	Hoa tiêu ngoại hạng	4.16	10.26	2.76	10.26
3	Phạm Trọng Thiệp	Hoa tiêu Ngoại hạng	4.16	10.26	2.76	10.26
4	Bùi Thanh Tùng	Hoa tiêu Ngoại hạng	4.16	10.26	2.76	10.26
5	Trần Việt Hùng	Hoa tiêu hạng Nhất	5.19	7.80	2.26	8.07
6	Nguyễn Mạnh Thành	Hoa tiêu hạng Nhất	4.16	9.24	2.49	8.75
7	Trần Lam Giang	Hoa tiêu hạng Nhì	3.30	7.80	1.85	6.92
8	Đinh Văn Hữu	Hoa tiêu hạng Ba	3.30	6.20	1.67	5.75
9	Nguyễn Hữu Thái	Hoa tiêu hạng Ba	3.30	6.20	1.67	5.75
10	Nguyễn Hữu Hải	Hoa tiêu hạng Ba	3.30	6.20	1.67	5.75
11	Lê Út Đăng	Hoa tiêu hạng Ba	3.30	5.50	1.58	5.50
12	Đinh Trọng Mạnh	Hoa tiêu tập sự	2.80		1.34	
13	Phạm Văn Ái	Hoa tiêu tập sự	2.80		1.34	
14	Nguyễn Đức Hiếu	Hoa tiêu tập sự	2.80		1.34	
15	Lê Tuấn Dũng	Hoa tiêu tập sự	2.80		1.34	
16	Trần Đức Việt	Hoa tiêu tập sự	2.80		1.34	
	Trực ban hoa tiêu					
1	Phan Thị Hoài Tuyền	Tổ trưởng Tổ trực ban hoa tiêu	2.65	1.90	1.59	2.20
2	Vương Thị Mai Anh	Nhân viên trực ban hoa tiêu	2.34	1.70	1.50	1.90
II	Phòng Tổ chức - Hành chính					

1	Nguyễn Thanh Bằng	Trưởng phòng TCHC	3.58	3.85	1.90	4.40
2	Nguyễn Tiến Dũng	Phó trưởng phòng TCHC	2.96	2.73	1.69	2.77
3	Nguyễn Thị Ngọc	Nhân viên văn thư	2.65	2.10	1.59	2.10
4	Phạm Bá Sơn	Lái xe	3.60	3.20	1.66	3.20
5	Lê Minh Điền	Lái xe	3.60	3.20	1.66	3.20
6	Đào Quang Hiển	Thuyền trưởng tàu đưa đón hoa tiêu	4.36	3.50	2.07	3.50
7	Nguyễn Văn Tuấn	Máy trưởng tàu đưa đón hoa tiêu	3.17	3.20	1.88	3.20
8	Nguyễn Thanh Lương	Thủy thủ tàu đưa đón hoa tiêu	3.11	2.30	1.61	2.30
9	Ngô Hoàng Việt	Thủy thủ tàu đưa đón hoa tiêu	2.39	2.10	1.31	2.10
10	Hoàng Thanh Sơn	Thợ máy tàu đưa đón hoa tiêu	3.28	2.30	1.70	2.30
11	Phạm Trọng Hải	Bảo vệ	3.09	1.20	1.57	1.20
12	Lê Tiến Dũng	Bảo vệ	3.09	1.20	1.57	1.20
13	Trần Thị Mỹ Phượng	Bảo vệ kiêm tạp vụ	3.09	1.10	1.57	1.10
14	Phạm Thị Lệ Huyền	Bảo vệ kiêm tạp vụ	3.09	1.10	1.57	1.10
III	Phòng Tài chính - Kế toán					
1	Trần Thị Thoa	Nhân viên kế toán	3.27	2.60	1.79	2.60
2	Trần Thị Lợi	Nhân viên thủ quỹ	3.27	2.10	1.79	2.10
IV	Văn phòng đại diện tại Thanh Hóa					
1	Đậu Thị Huyền Trang	Nhân viên TCHC	2.34	1.70	1.50	1.70
2	Lê Thế Kiên	Bảo vệ	3.09	1.10	1.57	1.10
3	Nguyễn Văn Bường	Bảo vệ	3.09	1.10	1.57	1.10
4	Mai Văn Thung	Bảo vệ	3.09	1.10	1.57	1.10
5	Nguyễn Thị Đào	Nhân viên phục vụ	1.00		1.05	
Thời điểm tính thời gian giữ bậc hệ số Hcb và hệ số Hcv với người lao động có hệ số Hcb và Hcv tại Quy chế này được giữ nguyên như thời điểm cũ.						